

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Kỳ kế toán: từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **419.080.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Đơn vị phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP - Xí nghiệp Thăng Long 1	Xã Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP - Xí nghiệp Thăng Long 3	Số 68 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP - Xí nghiệp Thăng Long 5	Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Số 127B, Đình Tiền Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 46).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Lương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/4/2016
Ông Vũ Hồng Phương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/4/2016
Ông Phạm Văn Lương	Phó chủ tịch	Quyền chủ tịch từ 01/4/2016 đến 25/4/2016
Ông Nguyễn Đức Kiên	Ủy viên	
Ông Mai Trọng Thịnh	Ủy viên	
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/4/2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Kiên	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/5/2016
Ông Đỗ Lê Khang	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hải Yến	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 01/6/2016
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/6/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ II

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	01/01/2016	30/6/2016
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.385.496.756.996	1.688.451.134.451
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	108.084.187.122	171.196.659.614
1.	Tiền	111		61.032.769.257	126.840.845.052
2.	Các khoản tương đương tiền	112		47.051.417.865	44.355.814.562
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	583.500.000	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		583.500.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		993.588.569.748	1.190.897.698.491
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	672.479.074.667	1.189.930.502.551
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		371.081.149.529	44.498.445.064
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	84.117.712.481	87.932.005.406
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(134.089.366.929)	(131.463.254.530)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	246.537.878.422	281.671.762.378
1.	Hàng tồn kho	141		246.537.878.422	281.671.762.378
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		36.702.621.704	44.685.013.968
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	14.167.135.219	21.656.543.920
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.564.858.064	22.394.499.969
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	3.970.628.421	633.970.079
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	01/01/2016	30/6/2016
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		287.024.580.038	283.629.875.087
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II.	Tài sản cố định	220		55.004.663.869	61.468.885.175
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	43.023.663.869	49.487.885.175
	- Nguyên giá	222		240.378.246.666	278.325.774.179
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(197.354.582.797)	(228.837.889.004)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	11.981.000.000	11.981.000.000
	- Nguyên giá	228		11.981.000.000	11.981.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	4.845.081.445	4.140.379.891
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.845.081.445	4.140.379.891
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	216.539.834.425	205.529.088.382
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		202.553.596.115	185.941.551.483
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.801.238.310	26.402.536.899
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.815.000.000)	(6.815.000.000)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		10.635.000.299	12.491.521.639
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	10.635.000.299	12.491.521.639
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.672.521.337.034	1.972.081.009.538

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	01/01/2016	30/6/2016
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.123.489.838.253	1.402.867.329.232
I.	Nợ ngắn hạn	310		988.832.760.895	1.251.168.817.013
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	419.102.500.654	532.443.457.227
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		180.541.013.718	253.845.166.209
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	41.337.532.381	51.257.696.984
4.	Phải trả người lao động	314		31.314.753.111	54.154.249.174
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	36.338.646.035	9.204.885.151
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	113.076.043.866	81.754.554.407
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	162.843.526.787	266.215.859.810
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.278.744.343	2.292.948.051
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		134.657.077.358	151.698.512.219
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	5.925.724.174	5.925.724.174
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	17.844.300.000	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	108.663.177.707	145.772.788.045
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.223.875.477	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	01/01/2016	30/6/2016
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		549.031.498.781	569.213.680.306
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	549.031.498.781	569.213.680.306
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		52.625.676.545	52.625.676.545
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(543.000.000)	(543.000.000)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		17.876.022.551	10.826.647.912
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.108.689.059	73.984.997.006
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		14.279.363.362	(9.145.484.356)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		29.829.325.697	83.130.481.362
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.884.110.626	13.239.358.843
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.672.521.337.034	1.972.081.009.538

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Quang Thanh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hải Yến

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2016
Tổng Giám đốc

 Nguyễn Đức Kiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016 - Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến Quý này	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	471,998,643,862	404,105,158,466	1,001,931,588,031	844,537,401,450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		471,998,643,862	404,105,158,466	1,001,931,588,031	844,537,401,450
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	456,268,607,866	374,269,568,155	955,567,449,318	777,243,874,844
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15,730,035,996	29,835,590,311	46,364,138,713	67,293,526,606
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	35,664,204,796	31,795,612,040	46,958,687,561	32,468,201,252
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	14,590,938,898	12,009,164,810	22,633,846,925	18,358,530,576
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10,928,579,102	12,009,164,810	16,645,291,114	18,358,530,576
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		9,421,839,630	6,141,495,196	9,421,839,630	6,141,495,196
9. Chi phí bán hàng	25	VI.06	-		-	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	26,946,608,530	31,255,663,516	47,570,118,964	51,736,036,950
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19,278,532,994	24,507,869,221	32,540,700,015	35,808,655,528
12. Thu nhập khác	31	VI.07	2,300,683,730	1,614,995,647	6,999,184,269	2,812,406,557
13. Chi phí khác	32	VI.08	954,071,353	375,029,942	3,496,531,474	2,451,664,465
14. Lợi nhuận khác	40		1,346,612,377	1,239,965,705	3,502,652,795	360,742,092
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20,625,145,371	25,747,834,926	36,043,352,810	36,169,397,620
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1,352,279,354	770,901,725	3,411,035,246	3,069,000,662
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2,223,875,477		2,223,875,477	
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17,048,990,540	24,976,933,200	30,408,442,087	33,100,396,958
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		16,469,874,150		29,829,325,697	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		579,116,390		579,116,390	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		393		712	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		393		712	

Người lập biểu



Nguyễn Quang Thanh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hải Yến

Ngày 16 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2016 - Cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến Quý này	
		Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh	01	253,382,075,750	430,268,779,041	848,793,711,782	1,054,289,014,227
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch	02	(308,779,387,693)	(605,819,195,141)	(691,062,494,656)	(893,100,574,837)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(53,188,957,111)	(43,274,592,469)	(94,246,778,224)	(88,743,677,852)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(11,383,921,683)	(7,971,031,963)	(17,157,917,990)	(17,074,504,143)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4,680,332,820)	(8,835,206,793)	(15,807,193,540)	(10,168,085,536)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4,611,375,637	49,873,084,462	36,379,802,695	129,598,624,331
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	67,044,275,698	(44,958,461,815)	(43,379,623,889)	(107,843,172,776)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(52,994,872,222)	(230,716,624,678)	23,519,506,178	66,957,623,414
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(1,688,230,190)	(7,351,081,358)	(1,836,230,190)	(7,754,651,358)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài	22	5,491,651,505	(910,000,000)	7,895,343,047	863,636,364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(3,326,500,000)	63,530,000	(1,583,500,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơ	24	2,900,000,000	-	1,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	5,334,570,000	(78,928,629,407)	(165,430,000)	(86,331,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	22,950,055,052	2,533,363,885	23,450,055,052	19,229,485,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34,030,666,626	13,461,211,709	34,299,259,312	13,531,270,256
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	65,692,212,993	(71,131,605,171)	63,059,497,221	(60,461,259,738)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của c	31	1,750,000,000	143,789,100,000	3,500,000,000	143,789,100,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	106,425,466,636	357,074,222,697	146,348,086,500	378,901,404,949
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(159,752,253,514)	(131,844,310,752)	(286,830,029,861)	(341,218,243,491)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12,709,532,530)	-	(12,709,532,530)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(64,286,319,408)	369,019,011,945	(149,691,475,891)	181,472,261,458
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(51,588,978,637)	67,170,782,096	(63,112,472,492)	187,968,625,134
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	159,673,165,759	182,081,535,526	171,196,659,614	61,283,692,488
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		8,450,019	-	8,450,019
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	108,084,187,122	249,260,767,641	108,084,187,122	249,260,767,641

Ngày 16 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Quang Thanh

Nguyễn Hải Yến

Nguyễn Đức Kiên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

04.1 Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2016
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	83,00%
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Thôn Cổ Diễn, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	51,13%
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**04.2 Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2016
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	20,80%
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.	20,00%
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	30,31%
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long	Tân Xuân, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	(***)
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Số 26 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	(***)
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	(***)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	29,00%
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê công	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	(*)
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Khu phố ga, Thị trấn Phú Thái, Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	(**)

(*): Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh đang triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 8 năm 2002, số vốn đầu tư của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 49%.

Theo quyết định số 3926/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT giữa Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 - CTCP, số vốn đầu tư của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 69,07%.

(**): Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án Đường 188 đoạn An Thái – Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng công ty Thăng Long – CTCP) và Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Nam Cường ngày 06 tháng 5 năm 2004. Số vốn đầu tư của Tổng công ty vào dự án là 17.884.300.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 22,03%.

(***) : Các công ty đã thanh lý trong kỳ.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II

Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2015.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện theo từng công trình, hạng mục. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn tương ứng với phần doanh thu được nghiệp vụ trong kỳ phản ánh trị giá vốn của giá thành xây lắp nghiệp vụ thanh toán trong kỳ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất****a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý II, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:**Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ Tổng Công ty phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý II cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong Tổng Công ty.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các Công ty con trong Tổng Công ty phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu Công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ II

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	01/01/2016
- Tiền mặt	5.508.087.690	901.560.532
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.524.681.567	125.939.284.520
- Các khoản tương đương tiền (*)	47.051.417.865	44.355.814.562
Cộng	108.084.187.122	171.196.659.614

(*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng.

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	583.500.000	583.500.000	-	-
Cộng	583.500.000	583.500.000	-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	200.048.503.450	202.553.596.115	192.858.298.448	185.941.551.483
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	2.260.302.971	-	2.260.302.971	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	1.807.850.307	2.167.274.058	1.807.850.307	2.167.274.058
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	1.608.700.818	1.708.157.409	1.608.700.818	1.708.157.409
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long (a)	-	-	3.553.096.801	3.791.625.731
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	20.160.000.000	15.619.241.211	20.160.000.000	15.619.241.211
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	5.400.000.000	1.754.917.886	5.400.000.000	1.754.917.886
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long (b)	-	-	4.036.410.000	-
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	1.189.000.000	1.315.471.270	1.189.000.000,00	1.315.471.270
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	109.644.000.000	120.951.846.386	109.644.000.000	118.392.476.023
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long (c)	-	-	3.064.588.197	-
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long	27.797.662.360	28.410.724.608	27.797.662.360	28.410.724.608
- Công ty TNHH BOT đường 188	17.844.300.000	17.844.300.000	-	-
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	12.336.686.994	12.781.663.287	12.336.686.994	12.781.663.287
Cộng	200.048.503.450	202.553.596.115	192.858.298.448	185.941.551.483

(a) Theo Quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Thăng Long – CTCP về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0011/2016/HĐCNCP/TLG-TCKT ngày 27 tháng 4 năm 2016 giữa Tổng Công ty Thăng Long và Ông Phạm Gia Hưng về việc chuyển nhượng 320.343 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long với giá chuyển nhượng 51.000 đồng/cổ phần (Tổng giá trị chuyển nhượng là 16.337.493.000 đồng).

(b) Theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Thăng Long – CTCP về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0009/2016/HĐCNCP/TLG-TCKT ngày 25 tháng 4 năm 2016 giữa Tổng Công ty Thăng Long và Công ty Liên hợp Xây dựng Vạn Cường về việc chuyển nhượng 403.641 cổ phần tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long với giá chuyển nhượng 7.000 đồng/cổ phần (Tổng giá trị chuyển nhượng là 2.825.487.000 đồng).

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (c) Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT/P7-TN ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Thăng Long – CTCP về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0016/2016/HĐCNCP/TLG-TCKT ngày 08 tháng 6 năm 2016 giữa Tổng Công ty Thăng Long và Ông Đỗ Hoàng Cường; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0017/2016/HĐCNCP/TLG-TCKT ngày 08 tháng 6 năm 2016 giữa Tổng Công ty Thăng Long và Ông Nguyễn Đình Chiến về việc chuyển nhượng 255.052 cổ phần tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long với giá chuyển nhượng 1 đồng/cổ phần (Tổng giá trị chuyển nhượng là 255.052 đồng).

b. Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	30/6/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	20.801.238.310	13.986.238.310	(6.815.000.000)	26.402.536.899	19.587.536.899	(6.815.000.000)
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	6.815.000.000	-	(6.815.000.000)	6.815.000.000	-	(6.815.000.000)
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long (đ)	-	-	-	5.601.298.589	5.601.298.589	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	9.122.712.667	9.122.712.667	-	9.122.712.667	9.122.712.667	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	2.850.307.611	2.850.307.611	-	2.850.307.611	2.850.307.611	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	1.713.218.032	1.713.218.032	-	1.713.218.032	1.713.218.032	-
Cộng	20.801.238.310	13.986.238.310	(6.815.000.000)	26.402.536.899	19.587.536.899	(6.815.000.000)

- (d) Theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT/P7-TN ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Thăng Long – CTCP về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0004/2016/HĐCNCP/TLG-TCKT ngày 29 tháng 3 năm 2016 giữa Tổng Công ty Thăng Long và Ông Trần Việt Quân về việc chuyển nhượng 428.682 cổ phần tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thăng Long với giá chuyển nhượng 10.000 đồng/cổ phần (Tổng giá trị chuyển nhượng là 4.286.820.000 đồng).

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các Công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	20,80%	20,80%	Sản xuất sản phẩm công nghiệp, kinh doanh phụ tùng, xây dựng
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	20,00%	20,00%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	30,31%	30,31%	Kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng công trình...
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Số 26 đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao, Xây dựng công trình bán buôn vật liệu, ...
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	29,00%	29,00%	Hoạt động kiến trúc và tư vấn xây dựng, xây dựng các công trình...
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	45,55%	45,55%	Sản xuất các cấu kiện kim loại, lắp ráp kết cấu thép.
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%	49,00%	Sản xuất và cung cấp Bê tông.
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên			Xây dựng công trình, hỗ trợ kinh doanh chuyển giao cầu đường bộ.
+ Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án Cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 8 năm 2002		49,00%	49,00%	
+ Theo quyết định số 3926/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT giữa Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 –		69,07%	69,07%	

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>CTCP</i>				
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Khu phố ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương			
+ Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án Đường 188 đoạn An Thái – Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng công ty Thăng Long – CTCP) và Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Nam Cường ngày 06 tháng 5 năm 2004		22,03%	22,03%	

Đầu tư vào đơn vị khác:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	309 Nguyễn Văn Cừ - Long Biên – Hà Nội	11,85%	11,85%	Giáo dục nghề nghiệp, xuất nhập khẩu, xây dựng...
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội	5,00%	5,00%	Bán buôn nhiên liệu, hoàn thiện công trình xây dựng...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Thôn Cổ Điền, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	16,89%	16,89%	Xây dựng các công chế tạo kết cấu thép...
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	17,28%	17,28%	Xây dựng, kinh doanh vận tải, kinh doanh bất động sản...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Số 127B Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	14,39%	14,39%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông...
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	Số 3 đường Cù Chính Lan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	15,00%	15,00%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng...

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	30/6/2016	01/01/2016
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	672.479.074.667	1.189.930.502.551
- Khu quản lý giao thông đô thị số 2	143.817.623.522	177.374.296.537
- Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV	50.493.264.339	54.016.064.165
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	478.168.186.806	958.540.141.849
Cộng	672.479.074.667	1.189.930.502.551

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2016	01/01/2016
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	1.840.430.981	24.724.487.083
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	1.783.231.163	6.421.586.906
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	-	47.362.444.954
- Công ty Cổ phần CK và Xây dựng Số 10 Thăng Long	-	36.225.031.992
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	-	10.120.504.837
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	-	8.097.321.461
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	25.879.858.795	30.822.620.748
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long	-	223.215.300
Cộng	29.503.520.939	163.997.213.281

04. Phải thu khác

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	84.117.712.481	-	87.932.005.406	-
- Tạm ứng	49.013.562.028	-	50.998.765.971	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.544.104.877	-	4.042.363.694	-
- Phải thu khác	31.560.045.576	-	32.890.875.741	-
+ Ban điều hành gói 9 đường vào cảng Cái Lân	2.664.280.015	-	2.664.280.015	-
+ Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long	2.895.623.923	-	2.895.623.923	-
+ Công ty Cổ phần cơ giới & Xây dựng Thăng Long	6.280.368.000	-	-	-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu xây lắp số 4 - cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng	3.745.831.548	-	531.465.692	-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu 3A cầu Kỳ Lam	999.264.349	-	2.527.880.678	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng và Thương mại Phương Đông	-	-	1.035.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	3.305.800.000	-	-	-
+ Ban điều hành gói 2 Nam Sơn - Châu Cầu	1.273.109.166	-	1.273.109.166	-
+ Phải thu các đối tượng khác	10.395.768.575	-	21.963.516.267	-
Cộng	84.117.712.481	-	87.932.005.406	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Nợ xấu

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	24.724.487.083	19.334.487.083	24.724.487.083	19.334.487.083
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	47.362.444.954	11.448.355.545	47.362.444.954	11.448.355.545
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	81.335.479.967	12.548.698.084	81.335.479.967	12.548.698.084
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	18.379.583.300	595.729.545	18.379.583.300	595.729.545
- Tập đoàn Hạ Long	2.192.654.798	-	-	-
- Các đối tượng khác	5.763.268.558	1.741.281.474	5.329.810.957	1.741.281.474
Cộng	179.757.918.660	45.668.551.731	177.131.806.261	45.668.551.731

06. Hàng tồn kho

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	7.000.710.040	-	4.019.727.113	-
- Công cụ, dụng cụ	863.952.620	-	547.513.372	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	238.673.215.762	-	277.104.521.893	-
Cộng	246.537.878.422	-	281.671.762.378	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.845.081.445	4.140.379.891
- Mua sắm	35.258.000	-
- Xây dựng cơ bản	4.254.543.227	4.140.379.891
+ Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.850.707.012	1.850.707.012
+ Công trình xưởng chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí Huế	435.896.864	435.896.864
+ Công trình xưởng Lò Cai	1.821.901.503	1.821.901.503
+ Chế tạo xe di chuyển, xe sàng dầm cầu Phú Thọ	114.163.636	-
+ Chi phí xây dựng cơ bản khác	31.874.212	31.874.512
- Sửa chữa lớn	555.280.218	-
Cộng	4.845.081.445	4.140.379.891

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>56.045.799.842</i>	<i>184.577.093.603</i>	<i>30.607.874.537</i>	<i>4.139.641.279</i>	<i>2.955.364.918</i>	<i>278.325.774.179</i>
- Mua trong kỳ	-	1.046.983.181	-	84.545.455	-	1.131.528.636
- Phân loại lại	-	2.472.668.453	398.969.193	83.727.272	(2.955.364.918)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(35.846.109.438)	(2.784.760.116)	(97.641.140)	-	(38.728.510.694)
- Giảm khác	-	(350.545.455)	-	-	-	(350.545.455)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>56.045.799.842</i>	<i>151.900.090.344</i>	<i>28.222.083.614</i>	<i>4.210.272.866</i>	<i>-</i>	<i>240.378.246.666</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>38.947.537.425</i>	<i>162.888.303.683</i>	<i>20.807.323.208</i>	<i>3.239.359.770</i>	<i>2.955.364.918</i>	<i>228.837.889.004</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.741.479.836	2.990.839.850	1.151.309.332	200.177.518	-	6.083.806.536
- Phân loại lại	-	2.357.173.844	568.833.720	29.357.354	(2.955.364.918)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(34.458.775.487)	(2.771.917.841)	(97.641.140)	-	(37.328.334.468)
- Giảm khác	-	(238.778.275)	-	-	-	(238.778.275)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>40.689.017.261</i>	<i>133.538.763.615</i>	<i>19.755.548.419</i>	<i>3.371.253.502</i>	<i>-</i>	<i>197.354.582.797</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>17.098.262.417</i>	<i>21.688.789.920</i>	<i>9.800.551.329</i>	<i>900.281.509</i>	<i>-</i>	<i>49.487.885.175</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>15.356.782.581</i>	<i>18.361.326.729</i>	<i>8.466.535.195</i>	<i>839.019.364</i>	<i>-</i>	<i>43.023.663.869</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 75.333.013.872 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 95.537.980.256 đồng và 13.589.354.331 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đông Anh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ, Ngân hàng TMCP Bảo Việt và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>11.981.000.000</i>	<i>11.981.000.000</i>
- Mua trong kỳ	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>11.981.000.000</i>	<i>11.981.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>11.981.000.000</i>	<i>11.981.000.000</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>11.981.000.000</i>	<i>11.981.000.000</i>

10. Chi phí trả trước

	30/6/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn	14.167.135.219	21.656.543.920
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	13.977.562.372	9.891.477.028
- Công cụ dụng cụ xuất dùng phục vụ việc di dời văn phòng tại Thịnh Liệt	-	4.286.754.717
- Chi phí trả trước khác	189.572.847	7.478.312.175
b. Dài hạn	10.635.000.299	12.491.521.639
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	6.222.975.331	7.997.099.173
- Giá trị lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hoá	27.125.661	54.251.319
- Chi phí san lấp mặt bằng	4.384.899.307	4.440.171.147
Cộng	24.802.135.518	34.148.065.559

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	266.215.859.810	266.215.859.810	131.557.698.298	234.930.031.321	162.843.526.787	162.843.526.787
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>259.733.834.571</i>	<i>259.733.834.571</i>	<i>128.971.357.298</i>	<i>229.350.922.081</i>	<i>159.354.269.788</i>	<i>159.354.269.788</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long ^(a)	33.790.774.012	33.790.774.012	-	32.581.227.538	1.209.546.474	1.209.546.474
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Hà Nội ^(b)	101.922.941.208	101.922.941.208	50.161.469.967	91.600.000.000	60.484.411.175	60.484.411.175
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở ^(c)	44.361.083.222	44.361.083.222	-	29.720.638.129	14.640.445.093	14.640.445.093
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ ^(d)	36.196.618.631	36.196.618.631	30.066.264.555	29.609.682.872	36.653.200.314	36.653.200.314
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Huế ^(e)	29.325.987.498	29.325.987.498	24.050.822.231	23.763.497.632	29.613.312.097	29.613.312.097
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội ^(f)	-	-	19.658.144.545	7.278.443.910	12.379.700.635	12.379.700.635
+ Ngân hàng TM Cổ phần Quân đội Đông Anh ^(g)	14.136.430.000	14.136.430.000	825.504.000	14.797.432.000	164.502.000	164.502.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(h)	-	-	4.209.152.000	-	4.209.152.000	4.209.152.000
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>886.224.000</i>	<i>886.224.000</i>	<i>443.112.000</i>	<i>568.112.000</i>	<i>761.224.000</i>	<i>761.224.000</i>
+ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - SGD	721.224.000	721.224.000	360.612.000	485.612.000	596.224.000	596.224.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	165.000.000	165.000.000	82.500.000	82.500.000	165.000.000	165.000.000
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>5.595.801.239</i>	<i>5.595.801.239</i>	<i>2.143.229.000</i>	<i>5.010.997.240</i>	<i>2.728.032.999</i>	<i>2.728.032.999</i>
+ Vay cán bộ công nhân viên	5.595.801.239	5.595.801.239	2.143.229.000	5.010.997.240	2.728.032.999	2.728.032.999

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay dài hạn	145.772.788.045	145.772.788.045	14.533.500.202	51.643.110.540	108.663.177.707	108.663.177.707
Từ 1 đến 5 năm	145.772.788.045	145.772.788.045	14.533.500.202	51.643.110.540	108.663.177.707	108.663.177.707
- Vay ngân hàng	145.772.788.045	145.772.788.045	14.533.500.202	51.643.110.540	108.663.177.707	108.663.177.707
+ Ngân hàng TMCP Bảo Việt – SGD ⁽ⁱ⁾	2.605.514.000	2.605.514.000	-	360.612.000	2.244.902.000	2.244.902.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long ⁽ⁱ⁾	220.000.000	220.000.000	-	82.500.000	137.500.000	137.500.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thăng Long ^(k)	11.350.890.450	11.350.890.450	-	-	11.350.890.450	11.350.890.450
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đống Đa ^(l)	131.596.383.595	131.596.383.595	14.533.500.202	51.199.998.540	94.929.885.257	94.929.885.257
Cộng	411.988.647.855	411.988.647.855	146.091.198.500	286.573.141.861	271.506.704.494	271.506.704.494

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 847816/HĐHM/VPB-TLG ngày 30/10/2014 để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.
- (d) Là khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/134637/HĐTD ngày 11 tháng 8 năm 2015 nhằm bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 40 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.
- (e) Là khoản vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 140715-262989-01-SME ngày 27 tháng 7 năm 2015 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất thi công công trình xây dựng. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà đất và quyền đòi nợ.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (f) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong – TPBANK Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng vay số 071222015/HĐTD/TTKD.HNI ngày 07 tháng 12 năm 2015 nhằm bổ sung vốn thực hiện hợp đồng thầu phụ số 0036/ĐHTP-TLG-QLSX2 ký ngày 16/11/2015 giữa Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long về việc thi công cầu Tiên Cự, thành phố Hải Phòng thuộc gói số 8 “Thi công xây dựng công trình đoạn km25+500 – Km36+900 và Km38+900 – Km58+200” dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL10 đoạn từ Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng. Lãi suất được quy định theo từng kế ước nhận nợ (các khoản vay trong kỳ với lãi suất 9,5%/năm).
- (g) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Đông Anh theo hợp đồng cấp tín dụng số 133370.15.031.1609391.TD ký ngày 17 tháng 12 năm 2015 với mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp. Lãi suất lấy theo văn bản nhận nợ với Ngân hàng TMCP Quân đội. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 16 máy móc thiết bị của Công ty theo bảng kê trong hợp đồng cấp tín dụng.
- (h) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 266427/HĐHMTD/CAU 3 TL-VPB ngày 15 tháng 5 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động Xây lắp của Công ty. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ khối lượng xây lắp hoàn thành.
- (i) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 48 tháng, lãi suất 8,5% - 10,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (j) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thăng Long để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 36 tháng. Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 11,2%/năm sau đó điều chỉnh theo quy định của hợp đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (k) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.
- (l) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đống Đa để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng Nguồn thu từ dự án “Xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía Đông, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh”, thời hạn 42 tháng lãi suất được thỏa thuận cụ thể trên từng kế ước nhận nợ.

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	419.102.500.654	419.102.500.654	532.443.457.227	532.443.457.227
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	42.796.536.875	42.796.536.875	72.077.714.367	72.077.714.367
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	36.407.489.259	36.407.489.259	41.024.668.258	41.024.668.258
- Các khoản phải trả người bán khác	339.898.474.520	339.898.474.520	419.341.074.602	419.341.074.602
b. Phải trả người bán dài hạn	5.925.724.174	5.925.724.174	5.925.724.174	5.925.724.174
- Công ty Cổ phần cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	5.504.733.796	5.504.733.796	5.504.733.796	5.504.733.796
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	420.990.378	420.990.378	420.990.378	420.990.378
Cộng	425.028.224.828	425.028.224.828	538.369.181.401	538.369.181.401

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	8.859.797.786	8.859.797.786	7.348.619.372	7.348.619.372
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	36.521.433.449	36.521.433.449	40.860.663.419	40.860.663.419
- Công ty Xây dựng Số 8 Thăng Long	-	-	4.917.297.091	4.917.297.091
- Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Số 10 Thăng Long	7.210.407.349	7.210.407.349	12.327.781.292	12.327.781.292
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 16 Thăng Long	12.853.601.824	12.853.601.824	14.396.093.019	14.396.093.019
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	372.762.440	372.762.440	893.283.240	893.283.240
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông	-	-	7.094.823.514	7.094.823.514
Cộng	65.818.002.848	65.818.002.848	87.838.560.947	87.838.560.947

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	479.134.079	14.616.086.451	10.669.695.105	11.476.184.494	3.970.628.421	17.301.091.404
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	16.234.040.865	3.411.035.246	15.807.193.540	-	3.837.882.571
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.162.115.941	1.173.814.921	1.798.886.325	-	537.044.537
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	154.836.000	978.859.620	3.152.783.143	3.339.162.686	-	637.644.077
- Các loại thuế khác	-	17.756.117	7.000.000	7.000.000	-	17.756.117
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	18.248.837.990	776.116.683	18.840.998	-	19.006.113.675
Cộng	633.970.079	51.257.696.984	19.190.445.098	32.447.268.043	3.970.628.421	41.337.532.381

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	30/6/2016	01/01/2016
<i>Ngắn hạn</i>	36.338.646.035	9.204.885.151
- Chi phí lãi vay phải trả ODA	8.006.532.004	8.006.532.004
- Chi phí lãi vay Ngân hàng và các cá nhân	1.957.708	514.584.584
- Chi phí thi công công trình	28.323.767.730	677.379.970
- Các khoản trích trước khác	6.388.593	6.388.593
Cộng	36.338.646.035	9.204.885.151

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2016	01/01/2016
<i>a. Ngắn hạn</i>	113.076.043.866	81.754.554.407
- Kinh phí công đoàn	755.387.173	994.836.903
- Bảo hiểm xã hội	10.092.048.729	8.936.521.885
- Bảo hiểm y tế	160.156.096	157.530.285
- Bảo hiểm thất nghiệp	68.355.464	68.582.426
- Phải trả về cổ phần hóa	2.657.457.171	2.657.457.171
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.890.000	-
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	50.820.845.200	11.695.877.730
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.477.904.033	57.243.748.007
+ <i>Đội thi công cầu</i>	<i>3.079.842.544</i>	<i>-</i>
+ <i>Dự án Đường 188 Hải Dương</i>	<i>-</i>	<i>9.490.397.776</i>
+ <i>Công ty TNHH Đầu tư dầu khí Hà Nội</i>	<i>1.200.000.000</i>	<i>1.200.000.000</i>
+ <i>Hỗ trợ di dời văn phòng Thịnh Liệt- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 36</i>	<i>13.399.142.010</i>	<i>15.000.000.000</i>
+ <i>Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Công trình Thăng Long</i>	<i>-</i>	<i>899.645.763</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>30.798.919.479</i>	<i>30.653.704.468</i>
<i>b. Dài hạn</i>	17.844.300.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.844.300.000	-
Cộng	130.920.343.866	81.754.554.407

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	27.916.576.545	-	64.287.269	25.806.298.690	11.894.747.125	365.681.909.629
- Tăng vốn trong năm trước	119.080.000.000	24.709.100.000	(543.000.000)	-	-	-	143.246.100.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	83.130.481.362	1.929.917.462	85.060.398.824
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	-	-	-	10.340.893.154	(34.340.893.154)	-	(24.000.000.000)
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty con	-	-	-	421.467.489	(610.889.892)	(585.305.744)	(774.728.147)
Số dư cuối năm trước	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	10.826.647.912	73.984.997.006	13.239.358.843	569.213.680.306
Số dư đầu năm nay	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	10.826.647.912	73.984.997.006	13.239.358.843	569.213.680.306
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	29.829.325.697	579.116.390	30.408.442.087
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty mẹ	-	-	-	6.487.316.125	(58.711.756.125)	-	(52.224.440.000)
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty con	-	-	-	562.058.514	(993.877.519)	(1.434.364.607)	(1.866.183.612)
Số dư cuối kỳ này	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	17.876.022.551	44.108.689.059	15.884.110.626	549.031.498.781

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ %	Số đầu năm	Tỷ lệ %
- Vốn góp của Nhà nước	105.000.000.000	25,05	105.000.000.000	25,05
- Vốn góp của các đối tượng khác	314.080.000.000	74,95	314.080.000.000	74,95
Cộng	419.080.000.000	100	419.080.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	419.080.000.000	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	119.080.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	419.080.000.000	419.080.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	50.224.440.000	21.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	50.224.440.000	21.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.908.000	41.908.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	54.300	54.300
+ Cổ phiếu phổ thông	54.300	54.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu phổ thông	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Tổng Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	17.876.022.551	10.826.647.912
Cộng	17.876.022.551	10.826.647.912

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/04/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/6/2015
- Doanh thu bán hàng	-	7.847.434.534
- Doanh thu bán thành phẩm	-	4.055.419.228
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.826.730.057	375.960.714
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	462.171.913.805	391.826.343.990
Cộng	471.998.643.862	404.105.158.466

Doanh thu giao dịch với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.02 trang 25.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/04/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/04/2015 đến 30/6/2015</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	8.639.098.872
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	3.886.900.850
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.324.067.336	269.081.215
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	451.944.540.530	361.473.603.218
Cộng	<u>456.268.607.866</u>	<u>374.269.568.155</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/04/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/04/2015 đến 30/6/2015</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	780.111.237	8.210.741.226
- Lãi từ bán các khoản đầu tư	12.618.966.199	9.632.831.025
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.224.665.310	13.936.939.890
- Lãi chênh lệch tỷ giá	40.462.050	15.099.899
Cộng	<u>35.664.204.796</u>	<u>31.795.612.040</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Từ 01/04/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/04/2015 đến 30/6/2015</u>
- Lãi tiền vay	8.602.383.087	12.009.164.810
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	5.589.734.734	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	189.016.200	
- Lãi chậm thanh toán	209.804.877	
Cộng	<u>14.590.938.898</u>	<u>12.009.164.810</u>

05. Thu nhập khác

	<u>Từ 01/04/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/04/2015 đến 30/6/2015</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.887.429.465	
- Thanh lý công cụ, dụng cụ văn phòng	8.763.636	
- Các khoản khác	404.490.629	1.614.995.647
Cộng	<u>2.300.683.730</u>	<u>1.614.995.647</u>

06. Chi phí khác

	<u>Từ 01/04/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/04/2015 đến 30/6/2015</u>
- Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	63.636.364	
- Kinh phí xây dựng Công viên tưởng niệm liệt sĩ bảo vệ cầu Rạch Chiểu	-	
- Tiền thuê đất	352.561.519	
- Phạt vi phạm hợp đồng	57.912.284	62.330.862
- Chi phí phạt hành chính	979.090.270	
- Tiền phạt chậm nộp cổ tức	911.905.384	
- Các khoản khác	(1.411.034.468)	312.699.080
Cộng	<u>954.071.353</u>	<u>375.029.942</u>

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/04/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	1.352.279.354	770.901.725
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.352.279.354	770.901.725

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ II

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan

- Công ty Cổ phần Tasco
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông
- Công ty TNHH Kết cấu Thép Mitsui Thăng Long
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh
- Công ty TNHH BOT Đường 188

Mối quan hệ

- Cổ đông nắm giữ 35,4% vốn điều lệ
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên kết, đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư kể từ ngày 25/4/2016
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên kết, đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư kể từ ngày 08/6/2016
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên kết, đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư kể từ ngày 27/4/2016
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty liên doanh, liên kết

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

03. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thanh

Nguyễn Hải Yến

Nguyễn Đức Kiên